

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN STRESS TRONG SINH VIÊN Y KHOA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2024

Nguyễn Văn Thống¹, Mai Sơn Dương², Lê Thị Gái¹
Nguyễn Thị Minh Ngọc¹, Trần Hoàng Phương¹
và Nguyễn Thị Phương Hiền^{1,✉}

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hoà

Nghiên cứu cắt ngang trên 411 sinh viên y khoa tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ nhằm mô tả thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress ở sinh viên. Nội dung nghiên cứu gồm đặc điểm nhân khẩu học, sức khoẻ thói quen, thành tích học tập - rèn luyện, mức độ stress (thông qua thang điểm The Student Stress Inventory). Mô tả, phân tích kết quả bằng phần mềm thống kê SPSS (với $p < 0,05$ được xem là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê). Kết quả ghi nhận tỉ lệ stress nhẹ chiếm 68,4%, stress nặng chiếm 31,6%. Stress có mối liên quan với các yếu tố như gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và mối quan hệ cá nhân ($OR = 6,5, p < 0,05$), bất đồng với người thân ($OR = 2,4, p < 0,05$), áp lực cạnh tranh với bạn cùng lớp ($OR = 2,1, p < 0,05$). Stress ở sinh viên chủ yếu ở mức độ nhẹ, nhưng để lại hậu quả lâu dài. Cần đề ra biện pháp giải quyết, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và cải thiện thành tích học tập của sinh viên.

Từ khóa: Sinh viên y khoa, stress, bất đồng, áp lực cạnh tranh, mối quan hệ cá nhân.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng stress hiện nay đã trở thành một trong những chủ đề bàn tán nổi bật, được xem như là một căn bệnh của thời đại. Stress là phản ứng của con người trước sự thay đổi của môi trường sống.¹ Đây là một phản ứng tự nhiên của cơ thể, nhưng khi stress kéo dài và mất kiểm soát sẽ gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần, công việc và cuộc sống. Ai trong đời cũng sẽ trải qua một vài lần stress, stress xuất hiện ở nhiều đối tượng, ngành nghề khác nhau. Trong đó phải kể đến chính là sinh viên, đặc biệt là sinh viên của khối ngành chăm sóc sức khỏe. Hiện nay tỉ lệ stress của sinh viên

y khoa trên thế giới được ghi nhận khá cao. Kết quả của Aldrin Musiu và cộng sự (2019) ghi nhận trong 346 sinh viên y khoa có 14,9% sinh viên trải qua stress nhẹ, 8,6% sinh viên có stress nặng.² Nghiên cứu của Ravi Roshan Khadka và cộng sự (2024) ghi nhận 20,7% sinh viên mắc stress nhẹ, 2% mắc stress nặng.³ Ở Việt Nam cũng có nhiều tác giả nghiên cứu về stress. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thái Sang (2021), tỉ lệ sinh viên có dấu hiệu stress là 45,5%.⁴ Tác giả Lê Thị Vũ Huyền (2021) tại Trường Đại học Y Hà Nội đã chỉ ra stress mức độ nhẹ chiếm ưu thế (17,1% trong tổng số 42,6% sinh viên ghi nhận có stress).⁵ Tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ trước đây đã có nghiên cứu về vấn đề này, tuy nhiên có sự khác biệt về thời gian, thang đo đánh giá stress.⁶ Tuy các nghiên cứu đã được tiến hành, song tỉ lệ stress và các mức độ của stress trong sinh viên y khoa tăng dần theo thời gian, dẫn

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Phương Hiền

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Email: ntphien@ctump.edu.vn

Ngày nhận: 03/03/2025

Ngày được chấp nhận: 23/04/2025

đến hậu quả nhiều sinh viên dừng học hoặc buộc thôi học. Chính vì những lí do trên, nhóm chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài “Thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress trong sinh viên y khoa tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024” với 2 mục tiêu chính:

- 1) Mô tả thực trạng stress;
- 2) Phân tích một số yếu tố liên quan đến stress ở nhóm đối tượng trên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên Y khoa đang học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Sinh viên Y khoa bắt đầu từ học kỳ 2 (bao gồm hệ chính quy và liên thông chính quy).
- Sinh viên đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Sinh viên không trả lời đầy đủ bộ câu hỏi phỏng vấn.
- Bị đình chỉ học tập, tạm thời hoãn việc học và lớp trưởng không liên lạc được tại thời điểm nghiên cứu.

2. Phương pháp

Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024.

Thời gian thu thập số liệu

Từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024.

Địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

Cỡ mẫu

Có 411 sinh viên tham gia nghiên cứu thỏa tiêu chuẩn lựa chọn.

Các biến số/chi số nghiên cứu:

- Nhân khẩu học: giới tuổi, dân tộc, tôn giáo,

khu vực sinh sống.

- Hệ đào tạo và kết quả học tập: hệ đào tạo, kết quả học tập học kỳ trước, kết quả rèn luyện.

- Sức khỏe, thói quen sinh hoạt và mối quan hệ cá nhân: bệnh lý cấp/ mạn tính gần đây, tập thể dục thường xuyên, hoạt động giải trí, sử dụng cà phê, rượu bia bất đồng với người thân, bạn bè, người quen ngoài xã hội, gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa học tập và mối quan hệ cá nhân.

- Đánh giá mức độ stress trong sinh viên: sử dụng thang điểm The Student Stress Inventory (SSI) nhằm khảo sát 4 thành phần stress của sinh viên (cơ thể, mối quan hệ giữa các cá nhân, khả năng học tập, môi trường). Mỗi thành phần được xem như một thang đo phụ. Tổng có 40 câu hỏi, với 10 câu mỗi phần. Mỗi câu hỏi sẽ có thang điểm từ 1: không bao giờ; 2: thỉnh thoảng; 3: thường xuyên; 4: luôn luôn. Với tổng điểm là 40 - 80 điểm: stress mức độ nhẹ; 81 - 121: stress mức độ trung bình; 122 - 160: stress mức độ trầm trọng. Khi phân tích yếu tố liên quan, chúng tôi chia thành 2 mức độ là stress nhẹ: 40 - 80 điểm; stress nặng (bao gồm mức độ trung bình và trầm trọng): 81 - 160 điểm.⁷

Quy trình tiến hành nghiên cứu:

- Chọn mẫu – Có 8 lớp sinh viên Y khoa hệ chính quy và 2 lớp sinh viên Y khoa hệ liên thông tương ứng từng khóa.. Chọn ngẫu nhiên 1 lớp ở mỗi khóa, tiến hành khảo sát tất cả các lớp viên của lớp được chọn vào học kỳ 2.

- Nhóm nghiên cứu giải thích mục đích của việc lấy mẫu, hướng dẫn cách thức sinh viên thực hiện khảo sát và link google form được thiết kế với các nội dung nghiên cứu có câu trả cụ thể.

Xử lý số liệu

Nhập liệu và xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Các biến định lượng

được viết dưới dạng giá trị trung bình (trung vị) và độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất. Các biến định tính được mô tả dưới dạng tần số tỉ lệ %. Thống kê phân tích: phân tích đơn biến với $p < 0,05$ được xem là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê; phân tích đa biến để tìm các yếu tố liên quan đến stress (với stress là biến phụ thuộc với stress mức độ nhẹ và nặng), chúng tôi sử dụng hồi quy Logistic đa biến với phương pháp Stepwise (giới hạn xác suất để đưa vào mô hình hồi quy là 0,05 và giới hạn xác suất để loại bỏ ra khỏi mô hình hồi quy là 0,2).

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Hệ đào tạo và kết quả học tập của sinh viên

	Đặc điểm	Tần số (n = 411)	Tỉ lệ (%)
Hệ đào tạo	Chính quy	268	65,2
	Liên thông chính quy	143	34,8
Kết quả điểm học tập học kỳ gần nhất	Kém	20	4,9
	Trung bình	86	20,9
	Khá	209	50,9
	Giỏi	67	16,3
	Xuất sắc	29	7,1
	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ gần nhất	Kém	4
	Trung bình	93	22,6
	Khá	118	28,7
	Giỏi	125	30,4
	Xuất sắc	71	17,3

Hệ đào tạo chính quy chiếm tỷ lệ cao hơn (65,2%). Kết quả điểm học tập học kỳ gần nhất của sinh viên chiếm cao nhất là loại khá (50,9%), nhưng điểm rèn luyện chiếm đa số là loại giỏi (30,4%).

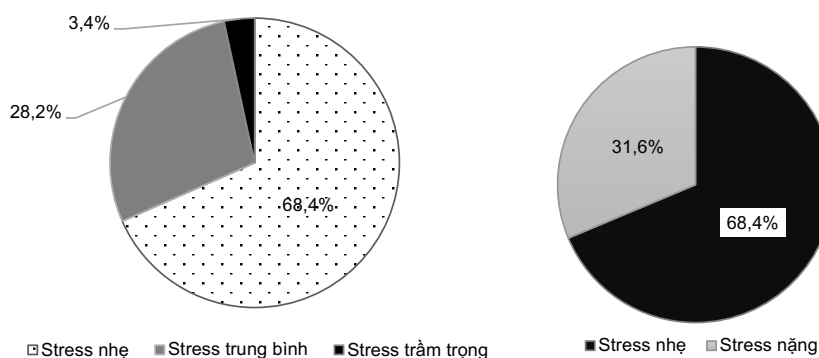
Bảng 2. Sức khỏe, thói quen sinh hoạt và các mối quan hệ cá nhân

	Đặc điểm	Tần số (n = 411)	Tỉ lệ (%)
Bệnh lý cấp tính gần đây	Có	69	16,8
	Không	342	83,2

Đặc điểm		Tần số (n = 411)	Tỉ lệ (%)
Bệnh lý mạn tính gần đây	Có	54	13,1
	Không	357	86,9
Hoạt động thư giãn giải trí	Từ 3 ngày trở đi, mỗi ngày 30 phút	268	65,2
	Ít hơn	143	34,8
	Mỗi ngày	74	18,0
Sử dụng cà phê	≤3 ngày/tuần	236	57,4
	>3 ngày/tuần	101	24,6
Gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và mối quan hệ cá nhân	Có	275	66,9
	Không	136	33,1
Bất đồng với người thân	Có	43	10,5
	Không	368	89,5
Bất đồng với bạn bè	Có	97	23,6
	Không	314	76,4
Bất đồng với người quen ngoài xã hội	Có	65	15,8
	Không	346	84,2
Áp lực cạnh tranh với bạn học cùng lớp	Có	194	47,2
	Không	217	52,8

Tỉ lệ sinh viên không mắc các bệnh lý cấp tính hay mạn tính gần đây chiếm đa số (83,2%, 86,9%), đối tượng nghiên cứu dành nhiều thời gian cho hoạt động thư giãn giải trí (65,2%). Đa số sinh viên sử dụng cà phê dưới 3 ngày trong tuần (54,7%). Phần lớn sinh viên gặp khó khăn

trong việc cân bằng giữa học tập và các mối quan hệ cá nhân (66,9%). Ngược lại, tỉ lệ sinh viên có sự bất đồng với người thân, bạn bè, người quen xã hội thấp hơn. Gần 50% sinh viên có áp lực cạnh tranh với bạn cùng lớp.



Biểu đồ 1. Tỉ lệ stress trong sinh viên y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Kết quả cho thấy số sinh viên có stress mức độ nhẹ chiếm tỉ lệ cao hơn (68,4%), kể đến là stress mức độ trung bình (28,2%) và thấp

nhất là stress trầm trọng. Kết hợp stress mức độ trung bình và trầm trọng gọi chung là stress nặng (31,6%).

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến stress

Đặc điểm	Stress nhẹ		Stress nặng		p	OR (KTC 95%)	
	n	%	n	%			
Giới	Nữ	137	63,7	78	36,3	0,03	1,56 (1,03 – 2,40)
	Nam	144	73,5	52	26,5		
Hệ đào tạo	Chính quy	178	66,4	90	33,6	0,25	0,78 (0,49 – 1,20)
	Liên thông	103	72,0	40	28,0		
Kết quả điểm học tập học kỳ gần nhất	Kém	12	60,0	8	40,0	0,36	-
	Trung bình	55	64,0	31	36,0	0,74	0,85 (0,31 – 2,29)
	Khá	141	67,5	68	32,5	0,50	0,72 (0,28 – 1,85)
	Giỏi	50	74,6	17	25,4	0,21	0,51 (0,18 – 1,46)
Bệnh lý cấp tính gần đây	Xuất sắc	23	79,3	6	20,7	0,15	0,39 (0,11 – 1,39)
	Có	35	50,7	34	49,3	0,001	2,49 (1,47 – 4,22)
Không	246	71,9	96	28,1			
Bệnh lý mạn tính gần đây	Có	24	44,4	30	55,6	0,000	3,2 (1,78 – 5,76)
	Không	257	72,0	100	28,0		
Hoạt động thư giãn giải trí	Từ 3 ngày trở đi, mỗi ngày 30 phút	191	71,3	77	28,7	0,08	0,685 (0,45 – 1,03)
	Ít hơn	90	62,9	53	37,1		
Gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và các mối quan hệ cá nhân	Có	157	57,1	118	42,9	0,00	7,77 (4,10 – 14,71)
	Không	124	91,2	12	8,8		
Bất đồng với người thân	Có	18	41,9	25	58,1	0,00	3,48 (1,82 – 6,64)
	Không	263	71,5	105	28,5		
Bất đồng với bạn bè	Có	53	54,6	44	45,4	0,00	2,20 (1,38 – 3,52)
	Không	228	72,6	86	27,4		

Đặc điểm		Stress nhẹ		Stress nặng		p	OR (KTC 95%)
		n	%	n	%		
Bất đồng với người quen ngoài xã hội	Có	30	46,2	35	53,8	0,00	3,08 (1,79 – 5,23)
	Không	251	72,5	95	27,5		
Áp lực cạnh tranh với bạn học cùng lớp	Có	108	55,7	86	44,3	0,00	3,13 (2,03 – 4,84)
	Không	173	79,7	44	20,3		

Trong mô hình đơn biến, chúng tôi ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa stress nặng với một số yếu tố. Giới nữ có nguy cơ stress nặng cao gấp 1,56 lần nam. Bệnh lý cấp

tính khiến sinh viên gia tăng tỉ lệ stress nặng lên 2,49 lần. Trong khi đó, bệnh lý mạn tính có nguy cơ stress nặng cao gấp 3,2 lần so với sinh viên mắc bệnh.

Bảng 4. Mô hình hồi quy logistic phân tích đa biến tìm yếu tố liên quan đến stress

Yếu tố trong mô hình	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	P	OR (95%CI)
Gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và mối quan hệ cá nhân	1,869	0,357	0,000	6,5 (3,4 – 12,8)
Bất đồng với người thân	0,885	0,404	0,028	2,4 (1,6 – 6,5)
Áp lực cạnh tranh với bạn học cùng lớp	0,749	0,256	0,003	2,1 (1,4 – 3,7)

Khi phân tích mô hình hồi quy đa biến logistic với phương pháp Stepwise cho thấy: sinh viên khi gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và mối quan hệ cá nhân có stress nặng cao hơn gấp 6,5 lần; ($p = 0,000$); sinh viên bất đồng với người thân có stress nặng cao gấp 2,4 lần, ($p = 0,028$) và khi sinh viên gặp áp lực cạnh tranh với bạn cùng lớp thì stress nặng cao hơn 2,1 ($p = 0,003$).

IV. BÀN LUẬN

Khi tiến hành nghiên cứu trên 411 sinh viên Y khoa, chúng tôi ghi nhận tỉ lệ sinh viên stress nhẹ chiếm 68,4%, 31,6% stress nặng (mức độ trung bình và nghiêm trọng). Kết quả có sự khác biệt khi so sánh với các nghiên cứu trong nước như của tác giả Lê Thị Vũ Huyền

(2021), stress nhẹ chiếm 17,1%, của Trần Thị Hoàng Yến (2020) stress nhẹ chiếm 35,2%, của Nguyễn Trung Hậu stress nhẹ chiếm 56,97%.^{5,6,8} Với nghiên cứu ngoài nước, kết quả của Aldrin Musiun (2019) ghi nhận trong 346 sinh viên y khoa có 14,9% sinh viên trải qua stress nhẹ, của Ravi Roshan Khadka (2024) ghi nhận 20,7% sinh viên mắc stress nhẹ.^{2,3} Tổng điểm stress trung bình của chúng tôi là 73,7 (SD = 22,1). Nghiên cứu của Aldrin Musiun (2019) có tổng điểm stress trung bình là 12,3 (SD = 8,2).² Sự khác biệt về kết quả này có thể do các tác giả sử dụng thang điểm đánh giá đối tượng, thời gian nghiên cứu khác nhau... Nghiên cứu của chúng tôi khảo sát cùng lúc sinh viên ở những năm học khác nhau, thời điểm lấy mẫu đang trong giai đoạn thi kết thúc

các học phần (gây tác động tiêu cực lên tâm lý của sinh viên), nên kết quả ghi nhận tỉ lệ stress nhẹ và nặng, tổng điểm stress trung bình cao hơn các nghiên cứu khác. Sự khác biệt về văn hóa, chương trình, môi trường học tập đã dẫn đến sự chênh lệch về stress trong sinh viên ở các quốc gia.. Tỉ lệ stress cao sẽ dẫn đến nhiều hậu quả về sau như: ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, giảm khả năng tập trung, giảm hiệu suất học tập, từ đó làm giảm chất lượng cuộc sống và kết quả học tập của sinh viên. Clara Picker-Roesch nhận định rằng stress trong giai đoạn đầu học tập sẽ có tác động tiêu cực đối với tham vọng nghề nghiệp của sinh viên. Nếu không can thiệp, sẽ dẫn đến việc sinh viên có nguy cơ bỏ nghề trong tương lai.⁹

Khi phân tích mô hình đơn biến, giới nữ có nguy cơ stress nặng cao gấp 1,56 lần nam. Điều này phù hợp với thực tế vì nữ nhạy cảm với stress hơn, chịu nhiều áp lực từ gia đình, xã hội, sự đối phó với stress cũng trở nên khó khăn. Bệnh lý cấp tính khiến sinh viên gia tăng tỉ lệ stress nặng lên 2,49 lần. Trong khi đó, bệnh lý mạn tính có nguy cơ stress nặng cao gấp 3,2 lần so với sinh viên mắc bệnh. Khi có các vấn đề sức khỏe, sinh viên giảm khả năng tập trung, cơ thể mệt mỏi, thiếu năng lượng, khó cân bằng giữa việc học và điều trị bệnh. Đó là lí do sinh viên khi mắc bệnh lý sẽ gặp phải stress và tăng cao tỉ lệ stress nặng. Các nghiên cứu khác cũng ghi nhận kết quả tương tự.^{5,8,12} Phân tích mô hình đa biến: Khi sinh viên đối mặt với khó khăn, không thể cân bằng giữa việc học và các mối quan hệ xung quanh, làm tăng nguy cơ stress nặng 6,5 lần. Nghiên cứu của tác giả Đào Thị Ngoãn chỉ ra rằng sinh viên có vấn đề về các mối quan hệ xã hội có nguy cơ căng thẳng tăng cao gấp 2,92 lần.¹³ Những sinh viên có bất đồng với người thân có nguy cơ stress nặng cao 2,4 lần. Kết quả có sự tương đồng với nghiên cứu của tác giả Trần Thị Ly (2020), Trần Thị Thuận (2022), Trần Văn Thiện (2024),

Nguyễn Trung Hậu (2024).^{8,12,14,15} Mỗi gia đình có quan điểm giáo dục riêng. Một số bậc cha mẹ đặt kỳ vọng quá cao ở con, chủ quan, không lắng nghe, tiếp thu những mong muốn của con, dẫn đến sự giáo dục chưa phù hợp với từng tình huống cụ thể. Điều đó làm tăng sự bất đồng trong mối quan hệ giữa các thành viên của gia đình, và làm tăng tỉ lệ stress nặng ở sinh viên. Nghiên cứu của Muhamed Raihan Sajid (2024) đã chỉ ra sự kì vọng cao ở cha mẹ là một trong các yếu tố gây căng thẳng trong sinh viên.¹⁶ Trong mối quan hệ bạn bè, sự bất đồng làm tăng nguy cơ mắc stress và stress nặng cao hơn. Kết quả ghi nhận sinh viên có áp lực cạnh tranh học tập với bạn cùng lớp sẽ có nguy cơ stress nặng tăng 2,1 lần. Nghiên cứu của Lê Thị Vũ Huyền (2021), Trần Thị Thuận (2022), Nguyễn Trung Hậu (2024) cũng có sự tương đồng.^{5,8,12} Đề ra mục tiêu học tập là một yếu tố quan trọng giúp sinh viên có định hướng đúng đắn và đạt được thành tích cao. Sự cạnh tranh trong học tập với bạn cùng lớp sẽ giúp sinh viên cùng nhau phát triển. Tuy nhiên, sinh viên cũng sẽ có nguy cơ cao mắc stress và stress nặng nếu như tâm lý không vững, tự ti rằng bản thân không đủ giỏi, đặt kỳ vọng cố gắng chiến thắng trong mọi việc, không nhận ra sự khác biệt về điều kiện của mỗi cá nhân.

Nghiên cứu gặp một số hạn chế nhất định do số lượng sinh viên tham gia chưa đủ lớn, trong đó có những sinh viên không điền đầy đủ thông tin, trả lời bộ câu hỏi chưa đầy đủ, dẫn đến sự chênh lệch về cỡ mẫu ở từng khóa. Bên cạnh đó, bộ câu hỏi cũng chỉ khảo sát một số vấn đề, chưa bao quát hoàn toàn những yếu tố liên quan đến stress ở sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu thực hiện trên 411 sinh viên y khoa tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ghi nhận: Trong số sinh viên gặp phải stress, tỉ lệ stress nhẹ chiếm 68,4%, stress nặng chiếm

31,6%. Có mối liên quan giữa stress nặng với các yếu tố như gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và mối quan hệ cá nhân, bất đồng với người thân, áp lực cạnh tranh với bạn học cùng lớp trong mô hình hồi quy logistic đa biến.

Chúng tôi kiến nghị nên thực hiện nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn, mô hình rộng hơn và khảo sát chi tiết hơn những yếu tố liên quan đến stress trong sinh viên Y khoa, từ đó xây dựng chiến lược đối phó với căng thẳng trong sinh viên.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm chúng tôi xin chân thành cảm ơn những sinh viên tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã tham gia nhiệt tình vào nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mahajan AS. Stress in Medical Education: A Global Issue Or Much Ado About Nothing Specific. *South-East Asian Journal of Medical Education*. 2010; 4(2): 9-13. doi:10.4038/seajme.v4i2.420.
2. Musiun A, Lukman KA, Jeffree MS, et al. Prevalence of stress and its associated factors among medical students in Sabah, Malaysia Borneo. *Malaysian Journal of Public Health Medicine*. 2019; 19(2): 116-125. doi:10.37268/mjphm/vol.19/no.2/art.179.
3. Khadka RR, Gyawali M, Abdullah A, Jamshaid H, Kumar A. Anxiety, stress and depression in overseas medical students and its associated factors: A descriptive cross-sectional study at Jalalabad State University, Jalalabad, Kyrgyzstan. *International Journal of Innovative Science and Research Technology*. 2024; 9(3). doi:http://dx.doi.org/10.38124/ijisrt/IJISRT24MAR1858.
4. Nguyễn Thái Sang. Tỷ lệ Stress và chiến lược ứng phó của sinh viên y học dự phòng Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*. 2020; 24(1): 48-54.
5. Lê Thị Vũ Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy. Stress ở sinh viên hệ bác sĩ y khoa năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022; 508(1): 134-139. doi:https://doi.org/10.51298/vmj.v508i1.1525
6. Trần Thị Hoàng Yến, Nguyễn Hồ Hải Anh, Huỳnh Út Giào, cộng sự. Stress và một số yếu tố liên quan ở sinh viên y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021. *Tạp chí Y dược học Cần Thơ*. 2022; (54): 31-37. doi:https://doi.org/10.58490/ctump.2022i54.352
7. Arip M, Kamaruzaman D, Roslan BA, Ahmad BA. *Manual of Student Stress Inventory (SSI) Development, Validity And Reliability of Student Stress Inventory (SSI)*. 2016.
8. Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Thành Nam. Tình trạng stress và các yếu tố liên quan ở sinh viên y liên thông khoa y dược Trường Đại học Trà Vinh. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024; 538(2) doi:https://doi.org/10.51298/vmj.v538i2.9495.
9. Clara Picker-Roesch, Jessica Lang. Stress and career aspirations: A longitudinal study with mediclstudents. *Frontiers in Psychology*. 2024; 15:1. doi:https://doi.org/10.3389/fpsyg.2024.1449111.
10. Trần Thị Thuận, Lê Nguyễn Ngọc Phương Thảo. Stress của sinh viên điều dưỡng năm thứ tư Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. *Tạp chí Khoa học*. 2022; 401-409. doi:10.59294/HIUJS.VOL.2022.409.
11. Đào Thị Ngoãn, Phạm Tùng Sơn, Trần Thị Ngọc Trang, et al. Thực trạng tâm lý của sinh viên năm thứ tư Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 - 2024. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2025; 187(2): 296-303. doi:https://doi.org/10.52852/tcncyh.v187i2.3068.
12. Trần Thị Ly, Phạm Thị Hoa, Lê Hoài Thu. Thực trạng stress của sinh viên chính quy năm cuối thuộc các chuyên ngành tại Trường Đại

học Y-Dược Thái Nguyên năm 2020 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2021; 501(2): 147-151. doi:<https://doi.org/10.51298/vmj.v501i2.518>.

15. Trần Văn Thiện, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thành Trung, Mạc Đăng Tuấn. Thực trạng stress, lo âu và trầm cảm của sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội học tập tại cơ sở Hòa Lạc năm học 2022-

2023. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2024; 65(CĐ 5): 195-200. doi:<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1272>.

16. Sajid MR, Raddaoui L, Shagra FA, et al. Faith, Friends, and Humor: How Medical Students Cope with Academic Stress in a Private Medical University in Saudi Arabia. *Advances in Medical Education and Practice*. 2024; 15: 1205-1213. doi:<http://dx.doi.org/10.2147/AMEP.S475224>.

Summary

THE PREVALENCE AND ASSOCIATED FACTORS OF STRESS AMONG MEDICAL STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2024

A cross-sectional study was conducted on 411 medical students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy to assess the prevalence of stress and associated factors. The study examined demographic characteristics, health behaviors, academic performance, and stress levels, as measured by The Student Stress Inventory. Data analysis was performed using SPSS software, with a p-value of < 0.05 considered statistically significant. The results revealed that 68.4% of students experienced mild stress, while 31.6% reported severe stress. Stress was significantly associated with factors such as difficulty balancing academic and personal relationships (OR = 6.5, $p < 0.05$), conflicts with family members (OR = 2.4, $p < 0.05$), and competitive pressure from classmates (OR = 2.1, $p < 0.05$). While stress levels were predominantly mild, the long-term consequences may still be significant. These findings highlight the need for interventions to address stress and enhance the students' quality of life and academic performance.

Keywords: Medical students, stress, conflict, competition pressure, personal relationships.